

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2023/DS - ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-DS ngày 21/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-DS ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh - sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 256, thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh B

Bị đơn: Ông Dương Văn N, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 332, thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1954 (vắng mặt)

2. Ông Hoàng Văn Kh, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố B, tỉnh B

2. Chị Dương Thúy K, sinh 2004 (vắng mặt)

3. Anh Dương Hoàng Đ, sinh 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 332, thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Bà có quan hệ họ hàng xa với ông Dương Văn N. Ngày 26/02/2014, bà cho vợ chồng ông Dương Văn N và bà Hoàng Thị Y vay số tiền 250 triệu đồng để vợ chồng

Nam – Yển kinh doanh buôn bán hàng hóa. Việc vay tiền được lập thành “giấy biên nhận vay tiền” do bà Hoàng Thị Yviết (trên mẫu đánh máy sẵn), có chữ ký của bà Hoàng Thị Y và ông Dương Văn N; thời hạn vay 10 tháng; lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 30 hàng tháng. Hết thời hạn vay theo thỏa thuận bà Yển, ông N không trả bà khoản tiền gốc nào. Về tiền lãi, bà Yển, ông N mới trả bà được khoảng 2 tháng tiền lãi, tuy nhiên do thời gian lâu, khi trả lãi hai bên chỉ đưa tay, không viết giấy tờ gì nên bà không nhớ cụ thể số tiền lãi đã trả, .

Khoảng tháng 5/2014 bà Y chết. Sau khi bà Y chết, ông N có đến gặp bà nói chuyện về khoản tiền vay chưa trả và nói sẽ có trách nhiệm trả bà khoản tiền này. Tuy nhiên, thời gian sau đó ông N vẫn không trả khoản tiền gốc, tiền lãi nào. Bà nhiều lần yêu cầu ông N trả thì ông N hẹn hết lần này đến lần khác và đến nay nói là không có tiền trả. Khoản vay trên là vay chung của bà Y- ông N vì cả hai cùng ký vào giấy nhận tiền, khoản vay phát sinh trong thời gian ông N – bà Y vẫn là vợ chồng.

Bà Yển, ông N có hai con là Dương Văn Đông, sinh năm 2001 và Dương Thị Kiều, sinh năm 2004, hiện cả hai đang ở cùng ông Dương Văn N. Bố mẹ đẻ bà Y là ông Hoàng Văn Kh, sinh năm 1946 và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Ổn sinh năm 1954, hiện đang ở thôn 3, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Bà Y không có con nuôi, con riêng.

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai bà yêu cầu ông N phải trả tổng số tiền vay là 250 triệu đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2015 đến nay, mức lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước, tạm tính đến ngày khởi kiện 14/11/2022 là 86 triệu đồng. Tuy nhiên, do bà Y đã chết nên nay bà chỉ yêu cầu ông N phải có trách nhiệm trả ½ khoản tiền vay nêu trên là 125 triệu đồng và tiền lãi (của số tiền 125 triệu đồng) từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất theo lãi suất cho vay của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm hiện nay.

Đối với ½ khoản nợ của bà Y trong tổng số tiền vay 250 triệu đồng do bà Y đã chết, các con của bà Y vẫn còn nhỏ, đang tuổi đi học, bản thân bà cũng không biết các con của bà Y và những người thuộc hàng thừa kế của bà Y có được hưởng di sản thừa kế gì của bà Y không nên bà không yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế của bà Y phải có trách nhiệm trả khoản tiền vay 125 triệu đồng của bà Yển.

Số tiền 250 triệu đồng cho bà Y ông N vay là của riêng cá nhân bà không liên quan đến bất kỳ ai khác trong gia đình bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2022, bị đơn ông Dương Văn N trình bày:

Ông không đến hỏi vay số tiền 250 triệu đồng của bà Nguyễn Thị Nh như bà Nh trình bày với Tòa án. Việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Nh và vợ ông là Hoàng Thị Y cụ thể như thế nào, số tiền vay, thỏa thuận về lãi suất vay như thế nào thì ông không biết, không liên quan gì. Ông không đến hỏi vay, không được nhận tiền và cũng không được sử dụng số tiền trên. Ông không ký vào giấy vay tiền ngày 26/02/2014 để vay tiền của bà Nguyễn Thị Nh. Lý do tại sao trên giấy vay tiền ngày

26/02/2014 có chữ ký chữ viết Nam – Dương Văn N thì ông hoàn toàn không biết. Ông không đề nghị Tòa án giám định chữ viết, chữ ký đó có phải của ông hay không.

Khoảng tháng 5/2014 vợ ông – Hoàng Thị Y do nợ nần nhiều nơi nên đã tự tử chết. Sau khi chị Y chết có rất nhiều chủ nợ đến gặp và đòi tiền gia đình ông. Bà Nguyễn Thị Nh có đến gia đình ông đòi tiền, do khi đó quá hoang mang và bối rối vì việc gia đình và có rất nhiều người đến đòi tiền vợ ông nên ông có bảo bà Nhi là cứ từ từ, nếu đúng nợ thì ông sẽ thu xếp trả. Sau đó ông tìm hiểu và được biết khoản vay này hoàn toàn là khoản vay của của chị Yến, không liên quan gì đến ông và gia đình nên ông xác định không có nghĩa vụ phải trả khoản tiền vay trên cho bà Nhi. Do vậy, bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu ông phải trả tổng số tiền vay là 250 triệu đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 26/02/2014 và tiền lãi của số tiền này ông không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Ổn, ông Hoàng Văn Kh thống nhất trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ chị Hoàng Thị Y. Việc chị Yến, anh Nam vay tiền bà Nhi như thế nào ông bà không biết, không liên quan gì, không chịu trách nhiệm gì vì chị Y đã chết (chị Y chết năm 2014), ông bà không được hưởng tài sản gì của chị Y để lại. Ông bà đề nghị Tòa án không đưa ông bà vào tham gia tố tụng và từ chối làm việc với Tòa án.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thúy K trình bày: Chị là con đẻ của ông Dương Văn N và bà Hoàng Thị Y. Bố mẹ chị sinh được hai anh em là chị và anh trai là Dương Hoàng Đ. Việc bố mẹ chị vay tiền của bà Nguyễn Thị Nh như thế nào chị không biết, không liên quan gì, không chịu trách nhiệm gì. Khi mẹ chị chết, chị không được hưởng tài sản gì do vậy đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng, chị từ chối làm việc với Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Dương Hoàng Đ đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản ý kiến, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp giấy tờ, tài liệu gì.

Tại phiên tòa ngày 14/3/2023: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 30/3/2023:

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do

Nguyên đơn trình bày:

- Nguyên đơn yêu cầu cá nhân bị đơn trả số tiền vay là 125 triệu đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 26/02/2014; không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi của số tiền vay 125 triệu đồng.

- Xin rút yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền lãi (của khoản tiền vay 250 triệu đồng) là 86 triệu đồng theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Dương Văn N trả bà Nguyễn Thị Nh số tiền vay 125 triệu đồng.

+ Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh về việc buộc ông Dương Văn N trả 86 triệu đồng tiền lãi.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Dương Văn Nam trả tiền vay theo giấy biên nhận vay tiền ngày 26/02/2014 và tiền lãi của số tiền này do ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền như đã thỏa thuận. Khi thụ lý vụ án, căn cứ vào đơn khởi kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền vay, không yêu cầu trả lãi. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết, lời khai của đương sự, Điều 166, Điều 429 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

[3] Về yêu cầu đòi số tiền 125 triệu đồng của nguyên đơn:

[3.1] Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 26/02/2014 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 26/02/2014 bà Nguyễn Thị Nh cho bà Hoàng Thị Y, ông Dương Văn N vay số tiền 250 triệu đồng, thời hạn vay 10 tháng, trả lãi vào ngày 30 hàng tháng, mục đích vay để kinh doanh, giấy biên nhận vay tiền có chữ ký “Bên vay: Chữ ký vợ - Hoàng Thị Y, chữ ký chồng – Dương Văn N”. Quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Văn N trình bày không biết về việc vay tiền giữa bà Y với bà Nhi do ông không hỏi vay, không nhận tiền, không được sử dụng số tiền vay, không ký vào giấy vay tiền ngày 26/02/2014 nhưng ông N không đề nghị giám định chữ viết, chữ ký trên giấy vay tiền, không đưa ra chứng cứ chứng minh chữ ký, chữ viết Dương Văn N tại giấy biên nhận vay tiền ngày 26/02/2014 không phải do ông N viết, ký.

[3.2] Số tiền vay 250 triệu đồng bà Nguyễn Thị Nh cho bà Hoàng Thị Y, ông Dương Văn N vay trong thời gian ông N bà Y vẫn là vợ chồng, mục đích vay ghi

trong giấy đề kinh doanh. Việc ông N trình bày không được sử dụng số tiền vay, không biết việc vay tiền giữa bà Y với bà Nhi là không phù hợp. Căn cứ vào bản gốc giấy biên nhận vay tiền ngày 26/02/2014 do nguyên đơn cung cấp, căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình xác định ngày 26/02/2014 bà Nhi cho bà Y ông N vay số tiền 250 triệu đồng là có thật, khoản tiền vay 250 triệu đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 26/02/2014 là khoản vay chung của bà Hoàng Thị Y và ông Dương Văn N nên ông Dương Văn N, bà Hoàng Thị Y cùng phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền vay này của bà Nguyễn Thị Nh. Do bà Hoàng Thị Y đã chết (bà Hoàng Thị Y chết ngày 25/5/2014) nên bà Nhi yêu cầu ông Dương Văn N phải thực hiện nghĩa vụ trả ½ số tiền bà Yên, ông N vay. Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 274, Điều 275, Điều 166 Bộ luật Dân sự yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả lãi:

[4.1] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Nh rút yêu cầu buộc ông Dương Văn N phải trả số tiền lãi (của khoản tiền vay 250 triệu đồng) là 86 triệu đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Nh.

[4.2] Đối với tiền lãi của khoản vay 125 triệu đồng, bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu ông Dương Văn N trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với số tiền vay 125 triệu đồng trong tổng số tiền vay 250 triệu đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 26/02/2014 do bà Nhi không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 166, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc ông Dương Văn N trả bà Nguyễn Thị Nh số tiền 125.000.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*) theo giấy biên nhận vay tiền ngày 26/02/2014.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh về việc buộc ông Dương Văn N phải trả 86.000.000đồng tiền lãi.

3. Về án phí: Ông Dương Văn N phải chịu 6.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp Bắc Giang.
- CCTHADS Tp Bắc Giang .
- Các đ-ơng sự.
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

